

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 - HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **43/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 16 - 12 - 2025

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13- HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quý Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Duy Tuấn và bà Phạm Thị Thuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Linh- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 185/2025/TLST- HNGĐ ngày 08/10/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/11/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2025/QĐST-HNGĐ ngày 01/12/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Mai Thị K**, sinh ngày 05/8/1996;

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, thành phố Hải Phòng

Căn cước công dân số: 031196003334, cấp ngày 28/6/2021.

- Người được chị K uỷ quyền nhận văn bản: Bà **Trịnh Thị L**, sinh năm 2001; Địa chỉ: Số 88 N, phường Th, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Anh **Phí Công D**, sinh ngày 19/7/1992;

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn X, xã H, thành phố Hải Phòng.

Hiện đang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc).

Số định danh cá nhân: 030092000940, cấp ngày 30/3/2016.

- *Người làm chứng:* Ông Phí Công Đ, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn X, xã H, thành phố Hải Phòng.

Chị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh D, ông Đ đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Mai Thị K trình bày: Chị và anh Phí Công D tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã H, thành phố Hải Phòng) vào ngày 29/10/2019 và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thôn X, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là Thôn X, xã H, thành phố Hải Phòng), thời gian đầu vợ chồng chung sống rất vui vẻ hạnh phúc nhưng càng về sau thì càng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, chi tiêu trong gia đình, chăm sóc con và cách nhìn nhận cuộc sống của chị và anh D không phù hợp nhau. Anh D không chịu làm ăn mà suốt ngày chửi, đánh chị. Chị không thể chịu đựng được nên đã về nhà mẹ đẻ sinh sống. Đến tháng 8/2023 anh D sang Đài Loan (Trung Quốc) xuất khẩu lao động. Từ ngày chị về nhà mẹ đẻ và từ ngày anh D đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan thì vợ chồng cũng không còn liên lạc với nhau, không ai quan tâm đến ai, mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, sống ly thân một thời gian dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phí Công D để sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phí Nhật M, sinh ngày 29/01/2020, hiện đang ở cùng chị; khi ly hôn chị đề nghị giao con chung Phí Nhật M cho chị trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (tròn 18 tuổi); Chị tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh D tại Đài Loan vì anh D không cho chị biết địa chỉ.

Ông Phí Công Đ (là bố đẻ anh D) trình bày: Anh D, chị K được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã H, thành phố Hải Phòng) và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào năm 2019. Quá trình chung sống do kết hôn anh D, chị K còn trẻ nên không bảo ban được nhau trong cách làm ăn và sinh hoạt

hàng ngày nên phát sinh mâu thuẫn cãi nhau, có lần anh D cũng có đánh chị K. Vợ chồng ông, bà nhiều lần động viên hòa giải cho vợ chồng anh D, chị K nhưng đến cuối năm 2022 thì chị K bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống và ly thân anh D. Đến tháng 8/2023 anh D đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Quá trình lao động tại Đài Loan thì anh D có nhắn tin quan tâm nhưng chị K lạnh nhạt không quan tâm gì đến anh D. Sau khi nhận thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, ông đã thông báo qua điện thoại cho anh D biết về việc chị K làm đơn xin ly hôn. Anh D không cung cấp cho gia đình biết địa chỉ cụ thể, cũng không về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn được và không trình bày ý kiến bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Qua điện thoại anh D không đồng ý ly hôn chị K. Nếu ly hôn anh D đề nghị được trực tiếp nuôi con Phí Nhật M. Do anh đang lao động ở Đài Loan anh nhờ bố mẹ để hỗ trợ anh chăm sóc con cho đến khi anh về nước. Vợ chồng ông cam kết hỗ trợ anh D trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M. Hàng tháng anh D đều gửi tiền từ 2 triệu đồng đến 5 triệu đồng cho cháu M.

Tại Công văn số 3547/XNC-Đ1 ngày 05/11/2025, Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố Hải Phòng xác định anh Phí Công D, sinh ngày 19/7/1992, có thông tin xuất cảnh gần nhất ngày 26/8/2023, bằng hộ chiếu P00532467 qua cửa khẩu Nội Bài; chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

Đại diện VKSND khu vực 13 – Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mai Thị K ly hôn anh Phí Công D.
2. Về con chung: Giao cháu Phí Nhật M, sinh ngày 29/01/2020 cho chị Mai Thị K tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Mai Thị K tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con.
3. Về án phí: Chị K phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Hải Phòng, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Mai Thị K khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị và anh Phí Công D. Anh D hiện nay đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc), có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại Thôn X, xã H, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị K không cung cấp được địa chỉ của anh D tại Đài Loan (Trung Quốc). Tòa án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng đã yêu cầu gia đình anh D cung cấp địa chỉ của anh D. Gia đình anh D xác định anh D đang ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể, nên gia đình không cung cấp được địa chỉ anh D cho Tòa án. Tuy nhiên, gia đình anh D chấp nhận nhận văn bản tố tụng của Tòa án và xác định đã thông báo đầy đủ nội dung văn bản cho anh D được biết. Anh D không có văn bản gửi về cho Tòa án, nhưng có thông qua gia đình trình bày quan điểm về vụ án. Do vậy, áp dụng Nghị quyết số 01/2024/NQ - HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chị K vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị xử vắng mặt; anh D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa những lần vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị K và anh D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị K và anh Phí Công D tự nguyện kết hôn và đã được UBND xã H (nay là xã H), thành phố Hải Phòng đăng ký kết hôn vào ngày ngày 29/10/2019 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của chị K, lời khai của ông Đ (là bố đẻ anh D), có căn cứ xác định trong cuộc sống hôn nhân giữa chị K và anh D có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách, cách làm ăn kinh tế và thường xuyên xảy ra va chạm, không có tiếng nói chung. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh D đã được gia đình thông báo về việc chị K xin ly hôn anh D nhưng anh D không có văn bản, tài liệu gì thể hiện quan điểm muốn vợ chồng đoàn tụ. HĐXX thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị K và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích của hôn nhân không Đ được. Vì vậy căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị K, xử cho chị K được ly hôn anh D.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Mai Thị K và anh Phí Công D có 01 con chung là Phí Nhật M, sinh ngày 29/01/2020, hiện cháu M đang ở với chị K. Chị K có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu M. Căn cứ vào quy định của pháp luật, biên bản xác minh ngày 27/10/2025. Mặt khác, con chung là Phí Nhật M hiện đang sống ổn định cùng chị K từ khi sinh ra, anh D hiện đang lao động tại Đài Loan không có điều kiện trực tiếp nuôi con nên HĐXX giao con chung là Phí Nhật M, sinh ngày 29/01/2020 cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị K không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng cho con. Đối với ý kiến của anh Phí Công D về việc anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi con Phí Nhật M. Anh D đã được gia đình thông báo về việc chị K có đơn khởi kiện xin ly hôn và đề nghị được tiếp tục nuôi con Phí Nhật M nhưng anh D không có văn bản, tài liệu gì thể hiện quan điểm về việc trực tiếp nuôi con là Phí Nhật M. HĐXX không chấp nhận.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị K không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết. Anh D không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên sau này nếu anh D có yêu cầu giải quyết thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị K là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mai Thị K. Xử cho chị Mai Thị K ly hôn anh Phí Công D.

2. Về quan hệ con chung: Giao chị Mai Thị K tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Phí Nhật M, sinh ngày 29/01/2020 cho đến khi con trưởng thành (tròn 18 tuổi); Chấp nhận sự tự nguyện của chị K về việc không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng cho con.

Anh Phí Công D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Mai Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án; Ký hiệu BLTU/25E số 0003249 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị K đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh D đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 13- Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND xã H, thành phố Hải Phòng
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Quý Long